

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

ĐƠN VỊ KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

---



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO  
TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**NGÀNH: KẾ TOÁN**

Hà Nội, 2022



## MỤC LỤC

<b>1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>1</b>
<b>2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH .....</b>	<b>1</b>
2.1 Tâm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội 1	
2.1.1 Tâm nhìn.....	1
2.1.2.Sứ mạng.....	1
2.1.3.Mục tiêu chiến lược.....	2
2.2 Tâm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Khoa kế toán – Kiểm toán .....	3
2.2.1.Tâm nhìn.....	3
2.2.2.Sứ mạng.....	3
2.2.3.Chiến lược phát triển.....	3
2.3.Mục tiêu của chương trình.....	4
2.3.1.Mục tiêu chung.....	4
2.3.2.Mục tiêu cụ thể.....	4
<b>3. CHUẨN ĐẦU RA.....</b>	<b>4</b>
<b>4. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP .....</b>	<b>7</b>
4.1. Thông tin tuyển sinh .....	7
4.2. Quy trình đào tạo .....	7
4.3. Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp .....	8
<b>5. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY .....</b>	<b>8</b>
5.1 Đội ngũ giảng viên .....	8
5.2 Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy.....	9
<b>6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....</b>	<b>10</b>
6.1. Chuẩn bị của giảng viên .....	10
6.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học.....	10
6.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học.....	11
<b>7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ .....</b>	<b>11</b>
7.1. Quy trình đánh giá .....	11
7.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá.....	12
<b>8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>	<b>12</b>
8.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa .....	12
8.2.Nội dung chương trình .....	13
8.3.Ma trận các kỹ năng .....	14
8.4.Sơ đồ tiến trình đào tạo .....	16
8.4.1 Hệ chính quy.....	16
8.4.2 Hệ VHVL .....	17
8.5.Mô tả tóm tắt nội dung học phần.....	19
8.5.1. Triết học.....	20

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*Chương trình: Đào tạo trình độ Thạc sĩ*

*Năm ban hành: 2022*

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (tiếng Việt):	Thạc sĩ Kế toán
Tên chương trình (tiếng Anh):	Master in Accounting
Mã ngành:	8340301
Đơn vị cấp bằng cấp bằng:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:	Thạc sĩ Kế toán
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Thời gian đào tạo:	1,5 năm/ 2,0 năm năm đối với VHVL
Đơn vị giảng dạy:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Đơn vị quản lý CTĐT:	Khoa Kế toán – Kiểm toán

### 2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa kế toán – Kiểm toán, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

#### **2.1 Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội**

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, có truyền thống đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ kinh tế, công nhân kỹ thuật lâu đời nhất Việt Nam (tiền thân là Trường Chuyên nghiệp Hà Nội thành lập năm 1898 và Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng thành lập năm 1913) và là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ.

##### **2.1.1 Tầm nhìn**

Trở thành đại học đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng đa năng, phát triển theo mô hình đại học thông minh; đạt chuẩn quốc tế trong một số lĩnh vực then chốt; là sự lựa chọn hàng đầu của người học, cộng đồng và doanh nghiệp.

##### **2.1.2.Sứ mạng**

Đào tạo nhân lực chất lượng cao; sáng tạo và chuyên giao tri thức, công nghệ tới xã hội và cộng đồng đáp ứng yêu cầu thời kỳ cách mạng công nghiệp, phục vụ xã hội và đất nước.

**Chiết lý giáo dục: Giáo dục toàn diện, vì sự phát triển bền vững và hội nhập.**

### **2.1.3. Mục tiêu chiến lược**

#### **Mục tiêu chung:**

Trở thành đại học khoa học ứng dụng hàng đầu Việt Nam, theo mô hình tự chủ toàn diện, đi đầu trong xu thế chuyển đổi số và quản trị thông minh. Sản phẩm giáo dục đào tạo nằm trong tốp đầu Việt Nam về khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, được ghi nhận về năng lực sáng tạo và khởi nghiệp; Sản phẩm khoa học công nghệ được công nhận và ứng dụng rộng rãi trong nước, một số lĩnh vực đạt tầm khu vực và quốc tế.

#### **Mục tiêu cụ thể từng lĩnh vực:**

##### **a. Đào tạo**

Phát triển và vận hành các CTĐT đạt chuẩn quốc gia và quốc tế. Mở mới các chương trình đào tạo đại học, sau đại học đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế. Đổi mới phương thức tổ chức đào tạo, ứng dụng công nghệ giáo dục mới; Hình thành môi trường học tập mở, sáng tạo và trải nghiệm.

##### **b. Khoa học công nghệ**

Đổi mới nghiên cứu và sáng tạo theo hướng hội nhập và đa dạng các loại hình, lĩnh vực khoa học công nghệ; Đẩy mạnh hợp tác trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Triển khai có hiệu quả các hoạt động sở hữu trí tuệ và bảo hộ kết quả nghiên cứu. Gắn nghiên cứu khoa học với chuyển giao công nghệ và nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học. Nâng tỉ lệ doanh thu từ các hoạt động khoa học công nghệ trong tổng doanh thu toàn trường.

##### **c. Hợp tác phát triển**

Thiết lập mối quan hệ đa dạng, cùng có lợi với các trường đại học, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật quốc tế và tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm đào tạo và nghiên cứu. Khai thác có hiệu quả các nguồn lực thông qua các hoạt động hợp tác cùng phát triển.

##### **d. Người học và kết nối cộng đồng**

Phát triển năng lực toàn diện của người học thông qua việc hình thành môi trường học tập, sinh hoạt, rèn luyện mang tính mở, năng động và sáng tạo. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học. Mở rộng mạng lưới, khai thác có hiệu quả đóng góp từ đội ngũ cựu người học. Nâng cao vị thế và uy tín, ảnh hưởng của nhà trường qua các hoạt động gắn kết và phục vụ cộng đồng.

##### **e. Tài chính – cơ sở vật chất**

Xây dựng hệ thống tài chính vững mạnh đảm bảo sự phát triển bền vững và tự chủ của nhà trường với nguồn thu đa dạng và ổn định; Khai thác và sử dụng nguồn tài chính hợp lý, hiệu quả. Hình thành cơ sở hạ tầng và môi trường giáo dục hiện đại, sáng tạo phù hợp với hệ sinh thái đại học thông minh; Đầu tư và khai thác hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học;

### ***f. Quản trị nhà trường và nguồn nhân lực***

Xây dựng bộ máy tổ chức tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với cơ chế tự chủ toàn diện và mô hình đại học hiện đại; Thiết lập và vận hành hệ thống quản trị nhà trường tiên tiến đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế; Phát triển nguồn nhân lực đủ về số lượng, phù hợp về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng đáp ứng các yêu cầu. Hình thành đội ngũ giảng viên, chuyên gia làm chủ và bước đầu ở vị thế dẫn dắt trong một số lĩnh vực công nghệ hiện đại, có khả năng giảng dạy và nghiên cứu trong môi trường quốc tế.

### ***g. Đảm bảo chất lượng và chuyển đổi số***

Nhà trường và các chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định quốc gia và quốc tế, từng bước nâng cao vị trí trong các bảng xếp hạng đại học; Hoàn thiện hệ thống Đại học điện tử, từng bước hình thành hệ thống Đại học thông minh.

### ***h. Văn hóa và Thương hiệu***

Phát triển văn hóa Đại học Công nghiệp Hà Nội trên cơ sở phát huy truyền thống, tiếp thu, sáng tạo các giá trị văn hóa trong quá trình hội nhập. Nâng cao khả năng nhận diện thương hiệu và các sản phẩm của nhà trường đối với cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động truyền thông hiện đại.

## ***2.2 Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Khoa kế toán – Kiểm toán***

### ***2.2.1. Tầm nhìn***

Trở thành một trung tâm nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực hàng đầu trong lĩnh vực Kế toán, Kế toán, Phân tích kinh doanh của Việt Nam, ngang tầm với các trường Đại học uy tín trong nước theo định hướng ứng dụng.

### ***2.2.2. Sứ mạng***

Cung cấp nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đầy đủ kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện được công tác nghiệp vụ, quản lý kinh doanh, tư vấn, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kế toán, Kế toán, phân tích kinh doanh.

### ***2.2.3. Chiến lược phát triển***

- Dạy và học theo phương pháp tích cực;
- Phát triển chương trình đào tạo tiếp cận theo tiêu chuẩn quốc gia, tiến tới theo chuẩn quốc tế theo hướng nghề nghiệp
- Đánh giá và phát triển các hoạt động đào tạo tiếp cận theo tiêu chuẩn quốc gia, tiến tới theo chuẩn quốc tế;
- Chuẩn hóa giáo trình giảng dạy;
- Không ngừng nâng cao năng lực giảng viên và cán bộ quản lý;
- Xây dựng môi trường học tập, giảng dạy và NCKH tốt cho giảng viên và sinh viên;
- Đẩy mạnh hoạt động NCKH theo hướng ứng dụng thực tiễn sản xuất;
- Gắn kết hoạt động đào tạo với thực tế sản xuất tại doanh nghiệp;

- Đẩy mạnh tham gia các tổ chức nghề nghiệp trong nước như VACPA và tổ chức nghề nghiệp Quốc tế như ACCA, ICAEW và các doanh nghiệp Công nghệ;
- Tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động giảng dạy, tăng tỷ lệ học phần tổ chức dạy kết hợp, giảng trực tuyến.

**Triết lý giáo dục: “Giáo dục toàn diện, vì sự phát triển bền vững và hội nhập”**

### **2.3. Mục tiêu của chương trình**

Chương trình đào tạo ngành thạc sĩ Kế toán được thiết kế với mục tiêu đào tạo như sau:

#### **2.3.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành kế toán theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo người học có kiến thức lý thuyết và thực tế sâu, rộng trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, phân tích; có kỹ năng đánh giá và phản biện thông tin kế toán khoa học, tiên tiến; có kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực kế toán; có kỹ năng phổ biến tri thức kế toán, tự định hướng và thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi.

#### **2.3.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **+ Kiến thức:**

PEO 1: Kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong kinh doanh và quản lý.

PEO 2: Kiến thức thực tiễn để giải quyết các vấn đề liên quan đến kế toán, kiểm toán, phân tích trong bối cảnh hội nhập.

##### **+ Kỹ năng:**

PEO 3: Kỹ năng đánh giá và phản biện thông tin kế toán khoa học, tiên tiến; đề xuất được các giải pháp hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tiễn tại đơn vị.

PEO 4: Kỹ năng nghiên cứu phát triển tri thức, sử dụng sáng tạo và phổ biến các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực kế toán.

PEO 5: Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động kế toán trong bối cảnh hội nhập.

##### **+ Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

PEO 6: Có khả năng tự định hướng, thích nghi và tư vấn phù hợp với môi trường nghề nghiệp thay đổi.

### **3. CHUẨN ĐẦU RA**

Học viên tốt nghiệp ngành thạc sĩ kế toán, học viên đạt được những chuẩn đầu ra sau:

**\* Kiến thức**

- Vận dụng kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.
- Phân tích vấn đề liên quan đến kế toán, kiểm toán, phân tích phù hợp với điều kiện thực tiễn.

**\* Kỹ năng**

- Đánh giá và tư vấn chuyên sâu về lĩnh vực nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, phân tích
- Đánh giá và phân biệt thông tin kế toán khoa học, tiên tiến để đưa ra giải pháp hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tiễn.
- Vận dụng sáng tạo tri thức và phổ biến các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, phân tích
- Tổ chức và quản lý được các hoạt động kế toán, kiểm toán, phân tích trong bối cảnh hội nhập.

**\* Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Tự định hướng và thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi.
- Thực hiện tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, phân tích.

**\* Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (SO)**

**Bảng 1: Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình**

Mã SO	Nội dung chuẩn đầu ra	Đối sánh với mục tiêu đào tạo cụ thể					
		PEO 1	PEO 2	PEO 3	PEO 4	PEO 5	PEO 6
	<b>Kiến thức</b>						
SO 1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.	X	X		X		
SO 2	Phân tích vấn đề liên quan đến kế toán, kiểm toán, phân tích phù hợp với điều kiện thực tiễn.	X	X			X	
	<b>Kỹ năng</b>						
SO 3	Đánh giá và tư vấn chuyên sâu về lĩnh vực nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, phân tích		X	X			X
SO 4	Đánh giá và phân biệt thông tin kế toán khoa học, tiên tiến để đưa ra giải pháp hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tiễn.		X	X			X

Mã SO	Nội dung chuẩn đầu ra	Đối sánh với mục tiêu đào tạo cụ thể					
		PEO 1	PEO 2	PEO 3	PEO 4	PEO 5	PEO 6
SO 5	Vận dụng sáng tạo tri thức và phổ biến các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, phân tích	X	X		X		
SO 6	Tổ chức và quản lý được các hoạt động kế toán, kiểm toán, phân tích trong bối cảnh hội nhập.		X	X	X		
	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>						
SO 7	Tự định hướng và thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi.		X	X			X
SO 8	Thực hiện tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, phân tích.			X		X	X

\* Tiêu chí đánh giá (PI)

**Bảng 2: Nội dung tiêu chí đánh giá (PI)**

Mã SO	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá
	<b>Kiến thức</b>	
SO 1	PI 1.1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế, xã hội.
	PI 1.2	Vận dụng kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính và kinh doanh.
SO 2	PI 2.1	Phân tích vấn đề liên quan đến kế toán phù hợp với điều kiện thực tiễn.
	PI 2.2	Tổng hợp thông tin để phân tích và đo lường trong thực tiễn kinh doanh.
	<b>Kỹ năng</b>	
SO 3	PI 3.1	Lựa chọn các thông tin và công cụ phù hợp để giải quyết các tình huống trong kinh doanh.
	PI 3.2	Tư vấn chuyên sâu về lĩnh vực nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, phân tích.



SO 4	PI 4.1	Đánh giá thông tin kế toán khoa học trong điều kiện thực tiễn.
	PI 4.2	Phản biện thông tin kinh tế tài chính để đề xuất giải pháp cho nhà quản lý hiệu quả, phù hợp trong bối cảnh hội nhập.
SO 5	PI 5.1	Vận dụng sáng tạo tri thức trong lĩnh vực kinh doanh quản lý.
	PI 5.2	Phổ biến được các công nghệ tiên tiến, phù hợp trong kế toán, kiểm toán, phân tích.
SO 6	PI 6.1	Tổ chức được các hoạt động kế toán trong điều kiện cụ thể.
	PI 6.2	Quản lý được hiệu quả các hoạt động kế toán trong bối cảnh hội nhập.
<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>		
SO 7	PI 7.1	Tự định hướng nghề nghiệp bản thân trong điều kiện môi trường kinh doanh thay đổi.
	PI 7.2	Thích nghi được sự phát triển của nghề nghiệp và công nghệ trong tương lai.
SO 8	PI. 8.1	Thực hiện tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán.

Chuẩn đầu ra đóng vai trò quan trọng cho việc phát triển và đánh giá chương trình đào tạo. Các chỉ báo đánh giá của từng chuẩn đầu ra được dùng làm tham chiếu để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình.

#### **4. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

##### **4.1. Thông tin tuyển sinh**

*- Quy chế tuyển sinh:*

Theo quy chế tuyển sinh thạc sĩ của Bộ GD&ĐT, quy chế tuyển sinh thạc sĩ của trường ĐHCNHN cập nhật tại <https://cps.hauu.edu.vn/vn>.

*- Đối tượng tuyển sinh:*

Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

*- Phương thức tuyển sinh:*

Phương thức tuyển sinh cho từng năm tuyển sinh do Trường quyết định, bao gồm xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

##### **4.2. Quy trình đào tạo**

- Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để học viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

- Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng gồm 60 tín chỉ đối với người có trình độ thuộc ngành phù hợp.

- Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo.

- Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ, đối với hình thức đào tạo chính quy là 1,5 năm (18 tháng) tính từ thời điểm công nhận học viên, gồm 03 học kỳ; đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 2,0 năm (24 tháng) tính từ thời điểm công nhận học viên, gồm 04 học kỳ.

- Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học được quy định trong Quy chế này và không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

#### **4.3. Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp**

Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp như sau:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án tốt nghiệp đạt yêu cầu;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục & Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Nhà trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

### **5. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY**

#### **5.1 Đội ngũ giảng viên**

Khoa kế toán – Kiểm toán bao gồm 4 bộ môn: Bộ môn Kế toán công, Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán, Bộ môn Kiểm toán, Bộ môn Kế toán doanh nghiệp. Năm 2022 Khoa Kế toán - kiểm toán có 55 giảng viên, trong đó trình độ học vị, chức danh cụ thể như sau: có 2 Phó giáo sư, chiếm 3,64%; 19 Tiến sĩ chiếm 34,55%; 33 Thạc sĩ chiếm 60% và 1 Đại học chiếm 1,82%. Trình độ giảng viên của khoa KT-KT như sau:

**Bảng 3: Thống kê đội ngũ giảng viên của Khoa kế toán - kiểm toán năm 2022**

Stt	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30 – 40	41– 50	51 – 60	>60
1	Giáo sư/Phó giáo sư	2	3,64 %	1	1	0	0	2	0	0
2	Tiến Sĩ	22	40,00 %	3	19	0	12	10	0	0
3	Thạc sĩ	30	54,55 %	1	29	0	25	5	0	0
4	Đại học	1	1,82 %		1	0	0	0	1	0
<b>Tổng số</b>		<b>55</b>	<b>100</b>	<b>5</b>	<b>50</b>	<b>0</b>	<b>37</b>	<b>17</b>	<b>1</b>	<b>0</b>

**5.2 Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

Khoa Kế toán-Kế toán hiện tại đang quản lý 09 phòng thí nghiệm chuyên ngành phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Các phòng thí nghiệm và thiết bị được phân công quản lý bởi các Bộ môn Kế toán; Bộ môn Kế toán doanh nghiệp; Bộ môn Kế toán công và Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán.

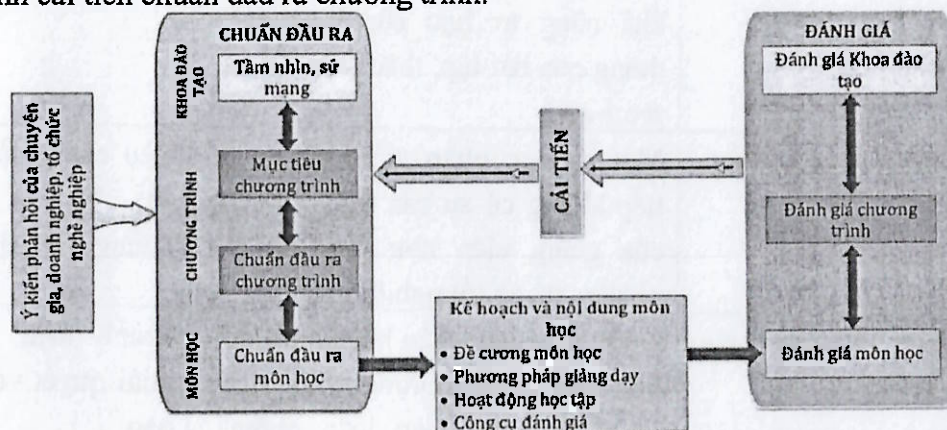
**Bảng 4: Thống kê phòng thí nghiệm chuyên ngành**

TT	Tên phòng thí nghiệm	Vị trí
1	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 1	205/B3
2	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 2	206/B3
3	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 3	207/B3
4	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 4	305/B3
5	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 5	306/B3
6	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 6	307/B3
7	Phòng Hội thảo	Tầng 3 trung tâm thông tin thư viện khu B
8	Phòng sinh hoạt chuyên môn, học thuật	105/B3
9	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 7	Phòng 201/Hội trường

Các phòng thí nghiệm chuyên ngành được đầu tư các thiết bị và mô hình hiện đại, gắn với thực tế ngoài doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu đào tạo ngành đào tạo thạc sĩ Kế toán.

## 6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Khoa kế toán – kiểm toán tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ CTĐT, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.



Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của Khoa kế toán – Kiểm toán

### 6.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình ngành thạc sĩ kế toán cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ thông tin học phần mà mình đang giảng dạy (học phần có lý thuyết hay thực hành; học phần bắt buộc hay tự chọn);
- Nắm rõ hình thức, phương pháp dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp);
- Hiểu rõ lớp học phần (Danh sách học viên, lớp, khóa đào tạo);
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập.

### 6.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Các phương pháp dạy học được sử dụng chủ yếu: Thuyết giảng, Câu hỏi gợi ý, Trình diễn mẫu, Luyện tập và thực hành, Yêu cầu, Giải quyết vấn đề, Nghiên cứu tình huống, Xây dựng ý tưởng, Tranh luận; Thảo luận, Giải quyết vấn đề, Động não, Kế hoạch cá nhân, Kế hoạch nghiên cứu.

- Các chiến lược dạy học được sử dụng chủ yếu: Giảng dạy trực tiếp; Giảng dạy gián tiếp; Giảng dạy tương tác; Học tập độc lập.

- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng 4.

**Bảng 5: Chiến lược và phát triển giảng dạy**

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của Học viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, seminar	Thuyết giảng; Câu hỏi gợi ý, Trình diễn mẫu, Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp	Yêu cầu; Giải quyết vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Học viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp	Tranh luận; Thảo luận; Giải quyết vấn đề; Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, đề án tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân; Kế hoạch nghiên cứu

### 6.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

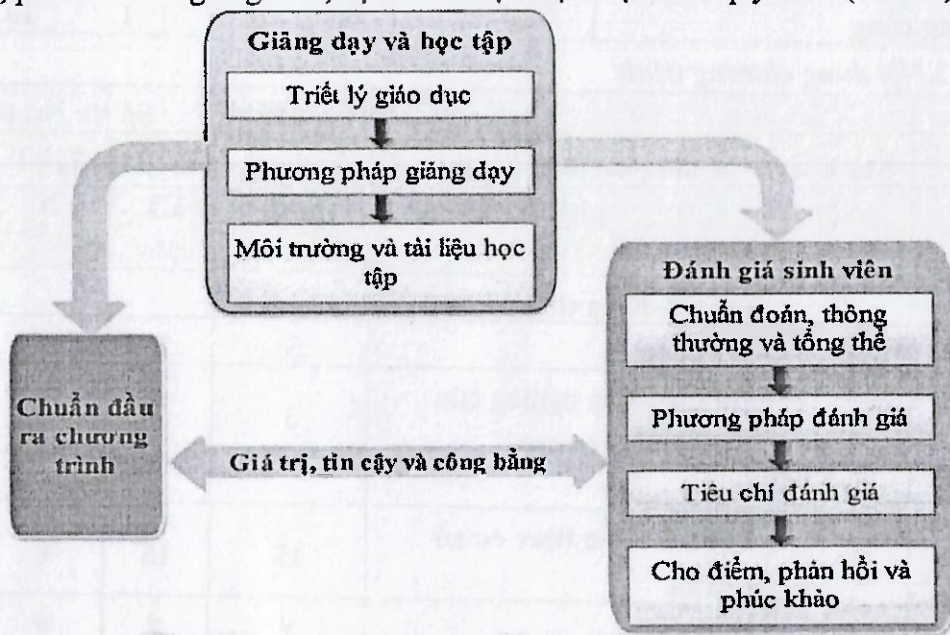
- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 1 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan;
- Có nhiều hình thức hỗ trợ học viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng ở vị trí làm việc ngành Thạc sĩ kế toán;
- Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của học viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

## 7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

### 7.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá học viên dựa trên chuẩn đầu ra cấp học phần (Li,j), chuẩn đầu ra cấp học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra cấp CTĐT i,j,k. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá học viên bao gồm thi đầu vào, khảo sát học viên về học phần giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa

chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics học phần. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, học viên được thực hiện theo quy trình (Hình 2).



**Hình 2. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá học viên**

**7.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá**

Quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần.

**8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các học phần từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức chung, cơ sở, chuyên ngành và tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các học phần, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc.

**8.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa**

Tổng số tín chỉ phải tích lũy 60 tín chỉ

Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ				Tỷ lệ (%)
		LT	TH/TN	Thảo luận	TT/ĐA	
Kiến thức Giáo dục đại cương	6	5	0	1	0	10
Kiến thức Cơ sở ngành	15	15	0	0	0	25

Kiến thức Chuyên ngành	21	21	0	0	0	35
Kiến thức Tốt nghiệp	18	0	0	0	18	30
<b>Tổng cộng</b>	<b>60</b>	<b>41</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>18</b>	<b>100</b>

### 8.2. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần			
				LT	TH/T N	Thảo luận	TT/ ĐA
<b>1</b>		<b>Phần 1-Kiến thức chung</b>					
1	7202	Triết học	3	3	0	0	0
2	7226	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao	3	2	0	1	0
3		Ngoại ngữ *					
<b>2</b>		<b>Phần 2-Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>2.1</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	7201	Lý thuyết kế toán	3	3	0	0	0
2	7203	Kinh tế học cho nhà quản lý	3	3	0	0	0
3	7202	Hệ thống thông tin kế toán	3	3	0	0	0
<b>2.2</b>		<b>Tự chọn, các môn tự chọn, 2 trong 4 học phần)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	7211	Tài chính cho nhà quản lý	3	3	0	0	0
2	7227	Quản trị doanh nghiệp	3	3	0	0	0
3	7205	Kế toán và định giá doanh nghiệp	3	3	0	0	0
4	7226	Pháp luật trong kinh doanh	3	3	0	0	0
<b>3</b>		<b>Phần 3-Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>21</b>	<b>21</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>3.1</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	7107	Kế toán tài chính 1	3	3	0	0	0
2	7106	Kế toán quản trị	3	3	0	0	0
3	7111	Kiểm toán	3	3	0	0	0
4	7115	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	3	3	0	0	0
<b>3.2</b>		<b>Tự chọn, các môn tự chọn, 2 trong 4 học phần</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	7211	Phân tích báo cáo tài chính	3	3	0	0	0
2	7213	Kế toán công	3	3	0	0	0

3	7218	<i>Quản lý dự án nâng cao</i>	3	3	0	0	0
4	7214	<i>Đề án nghiên cứu</i>	3	3	0	0	0
4	7215	<b>Phần 4-Thực tập</b>	9	0	0	0	9
5	7216	<b>Phần 5-Đề án tốt nghiệp</b>	9	0	0	0	9
		<b>Tổng</b>	<b>60</b>	<b>41</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>18</b>

**8.3. Ma trận các kỹ năng**



Mã SO	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá	Triết học	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	Lý thuyết kế toán	Kinh tế học cho nhà quản lý	Tài chính cho nhà quản lý	Hệ thống tin kế toán	Quản trị doanh nghiệp	Kế toán và định giá doanh nghiệp	Phương pháp luật trong kinh doanh	Kế toán tài chính 1	Kế toán quản trị	Kiểm toán	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	Phân tích báo cáo tài chính	Kế toán tài chính 2	Kế toán công	Quản lý dự án năng cao	Đề án nghiên cứu	Thực tập	Đề án tốt nghiệp
SO 1	PI 1.1	Vấn dụng kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế, xã hội.	TU								I, T, U											
	PI 1.2	Vấn dụng kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính và kinh doanh.		T																TU		
SO 2	PI 2.1	Phân tích vấn đề liên quan đến kế toán phù hợp với điều kiện thực tiễn.	T												T, U							
	PI 2.2	Tổng hợp thông tin để phân tích và đo lường trong thực tiễn kinh doanh.					T															
SO 3	PI 3.1	Lựa chọn các thông tin và công cụ phù hợp để giải quyết các tình huống trong kinh doanh.						TU				TU										UT
	PI 3.2	Tư vấn chuyên sâu về lĩnh vực nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, phân tích.												T							UT	
SO 4	PI 4.1	Đánh giá thông tin kế toán khoa học trong điều kiện thực tiễn.			TU			TU									TU					
	PI 4.2	Phân tích thông tin kinh tế tài chính để xuất giải pháp hiệu quả phù hợp trong bối cảnh hội nhập.		U													TU					UT
SO 5	PI 5.1	Vấn dụng sáng tạo trí thức trong lĩnh vực kinh doanh quản lý.																				
	PI 5.2	Phổ biến được các công nghệ tiên tiến, phù hợp trong kế toán, kiểm toán, phân tích.					U															
SO 6	PI 6.1	Tổ chức được các hoạt động kế toán trong điều kiện cụ thể.														T, U						TU
	PI 6.2	Quản lý được hiệu quả các hoạt động kế toán trong bối cảnh hội nhập.																				
SO 7	PI 7.1	Tư duy hướng nghiệp nghiệp bán thân trong điều kiện môi trường kinh doanh thay đổi.									I, U											
	PI 7.2	Thích nghi được sự phát triển của nghề nghiệp và công nghệ trong tương lai.																				
SO 8	PI 8.1	Thực hiện tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán.																				UT

8.4.Sơ đồ tiến trình đào tạo

8.4.1 Hệ chính quy

Mã SO	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III
SO 1	PI 1.1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế, xã hội.	LP7202; BM7203; LP7226		
	PI 1.2	Vận dụng kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính và kinh doanh.	BM7226; AA7201	AA7214	
SO 2	PI 2.1	Phân tích vấn đề liên quan đến kế toán phù hợp với điều kiện thực tiễn.	BM7211	AA7210	
	PI 2.2	Tổng hợp thông tin để phân tích và đo lường trong thực tiễn kinh doanh.	BM7227	BM7218	
SO 3	PI 3.1	Lựa chọn các thông tin và công cụ phù hợp để giải quyết các tình huống trong kinh doanh.	AA7202; AA7205	AA7207; AA7212; AA7213	
	PI 3.2	Tư vấn chuyên sâu về lĩnh vực nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, phân tích.		AA7209	AA7215
SO 4	PI 4.1	Đánh giá thông tin kế toán khoa học trong điều kiện thực tiễn.	AA7201; AA7202	AA7208; AA7211	
	PI 4.2	Phân biện thông tin kinh tế tài chính để đề xuất giải pháp hiệu quả phù hợp trong bối cảnh hội nhập.	BM7226	AA7212	AA7216
SO 5	PI 5.1	Vận dụng sáng tạo tri thức trong lĩnh vực kinh doanh quản lý.	BM7203	AA7207	AA7215

Mã SO	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III
	PI 5.2	Phổ biến được các công nghệ tiến tiến, phù hợp trong kế toán, kiểm toán, phân tích.	BM7211; AA7205		
	PI 6.1	Tổ chức được các hoạt động kế toán trong điều kiện cụ thể.		AA7210 →	AA72116
SO 6	PI 6.2	Quản lý được hiệu quả các hoạt động kế toán trong bối cảnh hội nhập.	LP7202; BM7227		
	PI 7.1	Tự định hướng nghề nghiệp bản thân trong điều kiện môi trường kinh doanh thay đổi.	LP7226 →	AA7206; AA7213	
SO 7	PI 7.2	Thích nghi được sự phát triển của nghề nghiệp và công nghệ trong tương lai.		AA7209; AA7211; AA7214	→ AA7215
SO 8	PI 8.1	Thực hiện tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán.		BM7218 →	AA7216

#### 8.4.2 Hệ VHV/L

Mã SO	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ IV
	PI 1.1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế, xã hội.	LP7202; BM7203; LP7226			
SO 1	PI 1.2	Vận dụng kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính và kinh doanh.	BM7226; AA7201	→	AA7214	
SO 2	PI 2.1	Phân tích vấn đề liên quan đến kế toán phù hợp với điều kiện thực tiễn.	BM7211 →	AA7210		

Mã SO	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ IV
	PI 2.2	Tổng hợp thông tin để phân tích và đo lường trong thực tiễn kinh doanh.	BM7227	→	BM7218	
SO 3	PI 3.1	Lựa chọn các thông tin và công cụ phù hợp để giải quyết các tình huống trong kinh doanh.	AA7202; AA7205	→	AA7213	
	PI 3.2	Tư vấn chuyên sâu về lĩnh vực nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, phân tích.			AA7209	AA7215
	PI 4.1	Đánh giá thông tin kế toán khoa học trong điều kiện thực tiễn.	AA7201	→	AA7211	
SO 4	PI 4.2	Phân biến thông tin kinh tế tài chính để đề xuất giải pháp hiệu quả phù hợp trong bối cảnh hội nhập.	BM7226	→	AA7212	AA7216
	PI 5.1	Vận dụng sáng tạo tri thức trong lĩnh vực kinh doanh quản lý.	BM7203	→	AA7207	AA7215
SO 5	PI 5.2	Phổ biến được các công nghệ tiên tiến, phù hợp trong kế toán, kiểm toán, phân tích.	BM7211; AA7205			
	PI 6.1	Tổ chức được các hoạt động kế toán trong điều kiện cụ thể.		AA7210	→	AA72116
SO 6	PI 6.2	Quản lý được hiệu quả các hoạt động kế toán trong bối cảnh hội nhập.	LP7202; BM7227			
	PI 7.1	Tự định hướng nghề nghiệp bản thân trong điều kiện môi trường kinh doanh thay đổi.	LP7226	→	AA7213	
SO 7	PI 7.2	Thích nghi được sự phát triển của nghề nghiệp và công nghệ trong tương lai.			AA7209; AA7211; AA7214	AA7215

Mã SO	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ IV
SO 8	PI 8.1	Thực hiện tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán.			BM7218 →	AA7216

**8.5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

### **8.5.1. Triết học**

*Mã học phần: LP7202*

*Số tín chỉ: 3(3,0,0,0)*

*Loại học phần: Bắt buộc*

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: Triết học phương Đông, triết học phương Tây, tư tưởng triết học Việt Nam và những nội dung nâng cao của triết học Mác - Lênin; mối quan hệ giữa triết học với khoa học cũng như vai trò của khoa học và công nghệ đối với đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, góp phần nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và của đất nước, đặc biệt là nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực khoa học chuyên môn của học viên cao học.

### **8.5.2. Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao**

*Mã học phần: BM7226*

*Số tín chỉ: 3(2,0,1,0)*

*Loại học phần: Bắt buộc*

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về các nguyên lý về nghiên cứu khoa học, khung lý thuyết vận dụng trong nghiên cứu và các phương pháp tổ chức nghiên cứu trong kinh doanh. Từ đó, học viên hình thành kỹ năng nghiên cứu, vận dụng kiến thức để tổ chức thiết kế nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh dựa trên phương pháp thu thập, phân tích dữ liệu phù hợp và có hệ thống. Đồng thời, học phần giúp học viên hình thành phẩm chất sáng tạo, khách quan và đảm bảo nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu khoa học.

### **8.5.3. Lý thuyết kế toán**

*Mã học phần: AA7201*

*Số tín chỉ: 3(3,0,0,0)*

*Loại học phần: Bắt buộc*

Học phần lý thuyết kế toán cung cấp những kiến thức mở rộng, sâu về các quan điểm, trường phái và các lý thuyết kinh tế trong nghiên cứu kế toán: Tổng quan về lý thuyết kế toán, các hệ thống định giá trong kế toán, các lý thuyết lập quy và chuẩn mực kế toán, quá trình hoà hợp kế toán quốc tế, khuôn mẫu lý thuyết kế toán về các nội dung cơ bản và các yếu tố của báo cáo tài chính nhằm tạo lập cơ sở lý thuyết cho các nghiên cứu chuyên sâu về kế toán tài chính, kế toán quản trị, hệ thống thông tin kế toán, kế toán công. Đồng thời, học phần là tham chiếu nền tảng cho các giải pháp về thực hành kế toán.

#### **8.5.4. Kinh tế học cho nhà quản lý**

*Mã học phần: BM7203*

*Số tín chỉ: 3(3,0,0,0)*

*Loại học phần: Bắt buộc*

Học phần kinh tế học cho nhà quản lý giúp học viên hiểu rõ những nguyên lý, quy luật kinh tế và luận giải được mối quan hệ giữa lý thuyết kinh tế học (bao gồm: phân tích thị trường, chiến lược định giá, vai trò của chính phủ trong nền kinh tế, lý thuyết trò chơi, môi trường kinh doanh vĩ mô, phân tích thị trường mờ) và khoa học ra quyết định trong phân tích việc ra quyết định quản lý. Học viên vận dụng lý thuyết kinh tế học và các kỹ thuật kinh tế lượng để phân tích các vấn đề về kinh tế học quản lý; phân tích việc ra quyết định kinh doanh. Đồng thời giúp học viên nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, quản lý và lãnh đạo một cách hiệu quả. Sau khi học xong, học viên có nhận thức đúng đắn hơn về việc ứng dụng lý thuyết vào thực tế, quá trình ra quyết định của nhà quản trị.

#### **8.5.5. Tài chính cho nhà quản lý**

*Mã học phần: BM7211*

*Số tín chỉ: 3(3,0,0,0)*

*Loại học phần: Tự chọn*

Học phần này nghiên cứu các kiến thức cũng như các kỹ năng nâng cao về các quyết định chính trong quản trị tài chính doanh nghiệp bao gồm quyết định đầu tư, quyết định tài trợ và các kiến thức liên quan đến quản trị rủi ro tài chính, mua bán sáp nhập và định giá doanh nghiệp. Từ đó, học viên rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả.

#### **8.5.6. Hệ thống thông tin kế toán**

*Mã học phần: AA7202*

*Số tín chỉ: 3(3,0,0,0)*

*Loại học phần: Tự chọn*

Học phần cung cấp các kiến thức chuyên ngành nâng cao về hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện thủ công và công nghệ thông tin cũng như ảnh hưởng của công nghệ thông tin đến hệ thống thông tin kế toán. Sau khi kết thúc học phần, người học có thể vận dụng kiến thức về hệ thống và kiểm soát nội bộ hệ thống theo quan điểm COBIT để giải quyết, hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong các tình huống cụ thể; có thể thiết kế, xây dựng, đánh giá hệ thống thông tin kế toán cũng như chất lượng thông tin của hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của các thành phần kinh tế.

### **8.5.7. Quản trị doanh nghiệp**

*Mã học phần: BM7227*

*Số tín chỉ: 3(3,0,0,0)*

*Loại học phần: Tự chọn*

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về Quản trị doanh nghiệp như: mô hình, nguyên tắc hoạt động của doanh nghiệp, mối quan hệ giữa các bộ phận trong một doanh nghiệp... Qua học phần này, học viên có khả năng phân tích, đánh giá được các vấn đề chủ yếu trong hoạt động của doanh nghiệp, các yếu tố môi trường có ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp; đồng thời, có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên sâu để thực hiện quản trị theo chức danh, quản trị theo từng bộ phận hay quản trị các hoạt động của doanh nghiệp trong kỷ nguyên số. Học phần giúp học viên hình thành ý thức về trách nhiệm xã hội, tôn trọng sự khác biệt về văn hóa doanh nghiệp.

### **8.5.8. Kế toán và định giá doanh nghiệp**

*Mã học phần: AA7205*

*Số tín chỉ: 3(3,0,0,0)*

*Loại học phần: Tự chọn*

Học phần kế toán và định giá doanh nghiệp trang bị cho học viên những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về đo lường trong kế toán và định giá doanh nghiệp, các phương pháp định giá doanh nghiệp và kế toán định giá doanh nghiệp trong trường hợp hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp. Ngoài ra học phần còn cung cấp một số kiến thức cơ bản về cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp trong thị trường vốn, quy trình kế toán định giá doanh nghiệp và các mô hình định giá trong kế toán. Sau khi học xong học phần này, học viên có khả năng lựa chọn các thông tin và công cụ phù hợp để giải quyết các tình huống trong kinh doanh. Đồng thời, học viên có thể áp dụng phổ biến được các công nghệ tiên tiến, phù hợp trong kế toán, kiểm toán, phân tích.

### **8.5.9. Pháp luật trong kinh doanh**

*Mã học phần: LP7226*

*Số tín chỉ: 3(3,0,0,0)*

*Loại học phần: Tự chọn*

Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh, bao gồm: Pháp luật về chủ thể trong kinh doanh; Pháp luật về mua bán hàng hóa; Pháp luật về dịch vụ logistics; Pháp luật về dịch vụ trung gian thương mại; Pháp luật về xúc tiến thương mại; Pháp luật về đấu giá hàng hóa; Chế tài trong thương mại. Trên cơ sở giúp cho học viên vận dụng vào thực tiễn trong lĩnh vực kinh doanh. Đảm bảo yếu tố đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh.



#### **8.5.10. Kế toán tài chính 1**

*Mã học phần: AA7207*

*Số tín chỉ: 3(3,0,0,0)*

*Loại học phần: Bắt buộc*

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về các loại hình kế toán trên thế giới, các nguyên tắc kế toán cơ bản, các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS/IFRS) về tài sản, doanh thu, chi phí và báo cáo tài chính.

Sau khi học xong học phần này học viên có khả năng:

Lựa chọn các thông tin và các thước đo phù hợp về các loại hình kế toán; nguyên tắc kế toán; chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế để giải quyết các tình huống trong thực tiễn về kế toán tài sản, doanh thu, chi phí và lập báo cáo tài chính.

Vận dụng tri thức kế toán trong quá trình hội nhập để áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế phù hợp thực tiễn doanh nghiệp.

#### **8.5.11. Kế toán quản trị**

*Mã học phần: AA7208*

*Số tín chỉ: 3(3,0,0,0)*

*Loại học phần: Bắt buộc*

Học phần Kế toán quản trị trang bị cho học viên những kiến thức mở rộng và chuyên sâu về kế toán quản trị đương đại thông qua các chủ đề như: kế toán quản trị chiến lược; ra quyết định dựa trên cơ sở chi phí; nguồn lực và phân bổ nguồn lực; định giá bán sản phẩm; hệ thống chi phí trên cơ sở hoạt động; xác định chi phí theo phương pháp chi phí mục tiêu và phương pháp Kaizen, xác định chi phí theo chu kỳ sống; đánh giá thành quả hoạt động của doanh nghiệp. Sau khi nghiên cứu xong học phần này, học viên vận dụng kiến thức về kế toán quản trị để giải quyết các tình huống thực tế phát sinh tại các doanh nghiệp trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn thay đổi, đồng thời có khả năng phân tích, tổng hợp dữ liệu và thông tin để đưa ra các giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.

#### **8.5.12. Kiểm toán**

*Mã học phần: AA7209*

*Số tín chỉ: 3(3,0,0,0)*

*Loại học phần: Bắt buộc*

Học phần Kiểm toán cung cấp những kiến thức mở rộng, sâu về kiểm toán và dịch vụ đảm bảo; kiểm toán báo cáo tài chính; kiểm toán tuân thủ; kiểm toán hoạt động; đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của kiểm toán viên và công ty kiểm toán; hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế; các vấn đề kiểm toán đương đại.

### **8.5.13. Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế**

*Mã học phần: AA7210*

*Số tín chỉ: 3(3,0,0,0)*

*Loại học phần: Bắt buộc*

Học phần cung cấp cho học viên tổng quan về chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế và một số chuẩn mực báo cáo tài chính về công cụ tài chính, các khoản dự phòng, tài sản, nợ tiềm tàng, chênh lệch tỷ giá hối đoái, thay đổi chính sách, ước tính kế toán, sai sót và các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo năm.

Sau khi học xong học phần này học viên có khả năng phân tích được các quy định của chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế trong đo lường, ghi nhận, trình bày các công cụ tài chính các khoản dự phòng, nợ tiềm tàng, ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá và thay đổi chính sách, ước tính kế toán, sai sót và các sự kiện sau ngày kết thúc năm của doanh nghiệp. Đồng thời, học viên cũng tổ chức tốt các hoạt động liên quan đến kế toán trong các doanh nghiệp đảm bảo theo những tiêu chuẩn của kế toán quốc tế trong thời kì hội nhập kinh tế quốc tế.

### **8.5.14. Phân tích báo cáo tài chính**

*Mã học phần: AA7211*

*Số tín chỉ: 3(3,0,0,0)*

*Loại học phần: Tự chọn*

Học phần phân tích báo cáo tài chính cung cấp những kiến thức mở rộng và chuyên sâu về phân tích báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp bao gồm: phân tích tổng quan tình hình tài chính của doanh nghiệp, các nội dung phân tích cụ thể về cấu trúc tài chính, tình hình công nợ và khả năng thanh toán, hiệu quả kinh doanh, rủi ro kinh doanh và dự báo tài chính. Từ đó, học viên vận dụng giải quyết các tình huống thực tế để phân tích, đánh giá, tổng hợp tình hình tài chính của doanh nghiệp, thấy được những tiềm năng của doanh nghiệp và khắc phục được những hạn chế giúp các đối tượng sử dụng thông tin ra quyết định.

### **8.5.15. Kế toán tài chính 2**

*Mã học phần: AA7212*

*Số tín chỉ: 3(3,0,0,0)*

*Loại học phần: Tự chọn*

Học phần kế toán tài chính 2 cung cấp kiến thức cơ bản và nâng cao về kế toán đầu tư tài chính, hợp nhất kinh doanh và lập báo cáo tài chính hợp nhất tại các tập đoàn, tổng công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Sau khi học xong học phần này học viên có khả năng vận dụng nguyên lý chung về kế toán tài chính 2 để phản biện thông tin kinh tế tài chính để lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp trong bối cảnh hội nhập.

#### **8.5.16. Kế toán công**

*Mã học phần: AA7213*

*Số tín chỉ: 3(3,0,0,0)*

*Loại học phần: Tự chọn*

Học phần kế toán công trang bị cho học viên những kiến thức mở rộng và chuyên sâu về quản lý hành chính nhà nước; ngân sách nhà nước; tài chính công; chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và chuẩn mực kế toán công quốc tế. Sau khi nghiên cứu xong học phần này, học viên vận dụng kiến thức về kế toán công để giải quyết các tình huống thực tế phát sinh tại các đơn vị hành chính sự nghiệp trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn thay đổi, đồng thời có khả năng phân tích, tổng hợp dữ liệu và thông tin để đưa ra các giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.

#### **8.5.17. Quản lý dự án nâng cao**

*Mã học phần: BM7218*

*Số tín chỉ: 3(3,0,0,0)*

*Loại học phần: Tự chọn*

Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về quản lý dự án như quá trình lập kế hoạch, theo dõi và kiểm soát các vấn đề trọng yếu, giúp dự án hoàn thành mục tiêu đúng thời hạn, đảm bảo chất lượng và trong phạm vi ngân sách đã được duyệt. Học viên có thể xác định chính xác và vận dụng phù hợp các mô hình, các kỹ thuật trong quản lý dự án. Ngoài ra, học phần giúp người học nhận thức và dám chấp nhận rủi ro, có ý thức cải tiến nâng cao hiệu quả quản lý dự án.

#### **8.5.18. Đề án nghiên cứu**

*Mã học phần: AA7214*

*Số tín chỉ: 3(3,0,0,0)*

*Loại học phần: Tự chọn*

Học phần Đề án nghiên cứu trang bị cho học viên những kiến thức mở rộng và chuyên sâu về các lý thuyết nền tảng trong nghiên cứu kế toán, kiểm soát và quản lý. Đồng thời ứng dụng nghiên cứu thực tế một số chủ đề thông tin kế toán, cấu trúc vốn và hiệu quả kinh doanh, các nhân tố ảnh hưởng đến áp dụng kế toán, quản trị chi phí, quản trị lợi nhuận, kiểm soát và quản lý.

#### **8.5.19. Thực tập**

*Mã học phần: AA7215*

*Số tín chỉ: 9(0,0,0,9)*

*Loại học phần: Bắt buộc*

Học phần Thực tập giúp học viên áp dụng kiến thức trong lĩnh vực kế toán đã được học vào thực tế doanh nghiệp. Học viên được hướng dẫn phương pháp tiếp cận, phân tích và đánh giá được hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp với các

tình huống đa dạng trong thực tiễn; Học viên có thể tư vấn chuyên sâu về lĩnh vực nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, phân tích; Vận dụng sáng tạo tri thức trong lĩnh vực kinh doanh quản lý đã học vào thực tiễn tại đơn vị thực tập, đồng thời có thể thích nghi được sự phát triển của nghề nghiệp và công nghệ trong tương lai.

#### **8.5.20. Đề án tốt nghiệp**

*Mã học phần: AA7216*

*Số tín chỉ: 9(0,0,0,9)*

*Loại học phần: Bắt buộc*

Học phần Đề án tốt nghiệp trang bị cho học viên có năng lực nhận diện, phát hiện những vấn đề còn có những bất cập, tồn tại trong lĩnh vực kế toán; Thông qua học phần Đề án tốt nghiệp có thể đánh giá năng lực của học viên trong việc ứng dụng những kiến thức thuộc chuyên ngành kế toán để giải quyết những vấn đề mang tính thực tiễn hoặc thực hiện một nghiên cứu mang tính học thuật; phát triển kỹ năng viết và trình bày báo cáo khoa học.

Đề án tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học có đóng góp về mặt lý luận, thực tiễn; Đề án là sản phẩm nghiên cứu có tính khái quát, quy luật hoặc tính ứng dụng; Kết quả nghiên cứu phải được dựa trên cơ sở phân tích, đánh giá và khảo sát từ nhiều tổ chức/doanh nghiệp/mẫu nghiên cứu hoặc tại một đơn vị đáp ứng được yêu cầu quy định.

### **9. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Chương trình đào tạo được đối sánh với chương trình đào tạo của các Trường Đại học khác cùng ngành làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình như Trường Trường Đại học Thương mại; Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng ; CTĐT tham khảo quốc tế (Triển khai theo Hướng dẫn số 01/HD-ĐHCN ngày 01/1/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHCNHN).

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học Thương mại)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế	CTĐT hiện hành của đơn vị
<p><b>1. Mục tiêu đào tạo</b></p> <p>- Mục tiêu chung</p>	<p>Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành kế toán có mục tiêu đào tạo giúp cho người học phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản về kế toán, kiểm toán, ứng dụng các kiến thức chuyên môn vào hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán và phân tích; thiết kế các qui trình tổ chức công tác kế toán, kiểm toán, phân tích một cách hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của các doanh nghiệp, tổ chức trong nền kinh tế (gọi chung là các đơn vị), phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.</p>	<p>Đào tạo thạc sĩ ứng dụng ngành kế toán có trình độ cao về ứng dụng trong kế toán và quản trị doanh nghiệp; có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện nguyên lý trong kế toán và quản trị doanh nghiệp; và giải quyết tốt những vấn đề mới về khoa học trong lĩnh vực kế toán; có khả năng hoạt động chuyên môn kế toán.</p>	<p><a href="https://www.monash.edu/study/courses/find-a-course/2021/professional-accounting-b6011#overview-1">https://www.monash.edu/study/courses/find-a-course/2021/professional-accounting-b6011#overview-1</a></p> <p>Thạc sĩ Kế toán chuyên nghiệp phù hợp với những sinh viên mới tốt nghiệp và các chuyên gia trong giai đoạn đầu của sự nghiệp, những người có bằng cử nhân trong lĩnh vực khác và đang tìm cách bổ sung bằng cấp kế toán.</p> <p>Bạn sẽ phát triển sự hiểu biết sâu sắc về các khái</p>	<p>Chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng ngành kế toán đào tạo người học có kiến thức lý thuyết và thực tế sâu, rộng trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, phân tích; có kỹ năng đánh giá và phân biện thông tin kế toán khoa học, tiên tiến; có kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực kế toán; có kỹ năng phổ biến tri thức kế toán, tự định hướng và thích nghi với môi trường nghề</p>

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học Thương mại)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học Đà Nẵng) - Đại học Đà Nẵng	CTĐT tham khảo quốc tế	CTĐT hiện hành của đơn vị
- Mục tiêu cụ thể	Không có	Không có	niệm chính và đạt được kiến thức chuyên môn phản ánh các hoạt động kinh doanh hiện tại, nghĩa là bạn sẽ được công nhận chuyên nghiệp và sẵn sàng cho sự nghiệp sau đại học.	nghiệp thay đổi.  <b>+ Kiến thức;</b> PEO 1: Kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong kinh doanh và quản lý. PEO 2: Kiến thức thực tiễn để giải quyết các vấn đề liên quan đến kế toán, kiểm toán, phân tích trong bối cảnh hội nhập. <b>+ Kỹ năng;</b> PEO 3: Kỹ năng đánh giá và phân biện thông tin kế toán khoa học, tiên tiến

chức,  
các  
trong

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học Thương mại)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế	CTĐT hiện hành của đơn vị
				<p>để đưa ra giải pháp hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tiễn.</p> <p>PEO 4: Kỹ năng nghiên cứu phát triển tri thức, sử dụng sáng tạo và phổ biến các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực kế toán.</p> <p>PEO 5: Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động kế toán trong bối cảnh hội nhập.</p> <p>+ <b>Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm;</b></p> <p>PEO 6: Có khả năng tự định hướng, thích nghi và tư vấn phù hợp với môi trường nghề nghiệp thay đổi.</p>

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học Thương mại)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế	CTĐT hiện hành của đơn vị
<p>- Chuẩn đầu ra</p> <p><b>2. Chuẩn đầu ra</b></p> <p><b>2.1. Kiến thức:</b></p> <p>Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo kế toán trình độ Thạc sĩ định hướng ứng dụng đạt chuẩn đầu ra về kiến thức sau:</p> <p>Kiến thức vững về lý thuyết và kiến thức thực tế sâu, rộng, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản về kế toán, kiểm toán, phân tích.</p> <p>Kiến thức liên ngành có liên quan.</p> <p>Kiến thức chung về quản trị và quản lý để xử lý các tình huống thực tế tại đơn vị.</p> <p><b>2.2. Kỹ năng:</b></p> <p>Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo kế toán trình độ Thạc sĩ định hướng ứng dụng đạt chuẩn</p>	<p><b>Kiến thức cơ bản</b></p> <p>CDR 1 - Hiểu biết sâu những lý thuyết về quản trị doanh nghiệp</p> <p>CDR 2 - Nắm vững kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý</p> <p>CDR 3 - Sử dụng thành thạo các phần mềm thống kê phổ biến như SPSS</p> <p>CDR 4 - Sử dụng tiếng Anh thành thạo trong học thuật</p> <p><b>Kiến thức nghề nghiệp</b></p> <p>CDR 5 - Hiểu biết những kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, kiểm soát nội bộ, quản trị công ty</p> <p>CDR 6 - Triển khai thực hiện</p>	<p><b>Learning outcomes</b></p> <p>1. Là những học giả quan trọng và sáng tạo, những người:</p> <p>1. Đề xuất các giải pháp sáng tạo cho các vấn đề + Áp dụng các kỹ năng nghiên cứu vào các thách thức kinh doanh + Giao tiếp hiệu quả</p> <p>2. Công dân toàn cầu có trách nhiệm và hiệu quả, những người: tham gia vào một thế giới quốc tế hóa thể hiện năng lực đa văn hóa thể hiện các giá trị đạo đức.</p> <p>3. Có hiểu biết toàn diện về</p>	<p><b>Kiến thức</b></p> <p>SO 1 - Vận dụng kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý..</p> <p>SO 2 - Phân tích vấn đề liên quan đến kế toán, kiểm toán phù hợp với điều kiện thực tiễn.</p> <p>SO 3 - Đánh giá và tư vấn chuyên sâu về lĩnh vực nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, phân tích + <b>Kỹ năng</b></p> <p>SO 4 - Đánh giá và phân tích thông tin kế toán khoa học, tiên tiến để đưa ra giải pháp hiệu quả phù hợp với điều kiện</p>	



Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học Thương mại)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế	CTĐT hiện hành của đơn vị
	<p>đầu ra về kỹ năng sau:</p> <p>Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thuộc chuyên môn kế toán, kiểm toán, phân tích một cách khoa học.</p> <p>Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.</p> <p>Đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định của Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục &amp; Đào tạo về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc, có trình độ ngoại ngữ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, có khả năng hiểu và diễn đạt bằng ngoại ngữ các báo cáo, tình huống công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn kế</p>	<p>được công tác kế toán, thuế, kiểm toán ở các loại hình doanh nghiệp khác nhau.</p> <p>CDR 7 - Ứng dụng thành thạo, sáng tạo các nguyên tắc kế toán, kiểm toán, phân tích tài chính trong đánh giá và tư vấn</p> <p>CDR 8 - Nhận dạng, phân tích, xử lý tốt các tình huống phát sinh trong lĩnh vực kế toán, thuế, tài chính của tổ chức.</p> <p><b>Kỹ năng cơ bản</b></p> <p>CDR 9 - Có năng lực dẫn dắt, điều hành, có khả năng phối hợp, làm việc nhóm.</p> <p>CDR 10 - Có khả năng làm việc trong môi trường áp lực</p>	<p>kỹ luật của họ và có thể cung cấp các giải pháp dựa trên kỹ luật phù hợp với các cộng đồng chính sách công, chuyên nghiệp và kinh doanh mà chúng tôi phục vụ</p> <p>4. Thẻ hiện sự thành thạo về kế toán chuyên nghiệp và có thể áp dụng cả kiến thức và kỹ năng lý thuyết và thực tế trong các tình huống kế toán áp dụng.</p>	<p>thực tiễn</p> <p>SO 5 - Vận dụng sáng tạo tri thức và phổ biến các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực kế toán.</p> <p>+ <b>Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm</b></p> <p>SO 6 - Tổ chức và quản lý được các hoạt động kế toán trong bối cảnh hội nhập.</p> <p>SO 7 - Tự định hướng và thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi.</p> <p>SO 8 - Thực hiện tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán.</p>

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học Thương mại)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế	CTĐT hiện hành của đơn vị
	<p>toán, kiểm toán, phân tích.</p> <p><b>2.3. Thái độ</b></p> <p>Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo kế toán trình độ Thạc sĩ định hướng ứng dụng đạt chuẩn về thái độ, hành vi sau:</p> <p>Có ý thức cộng đồng và trách nhiệm công dân; tôn trọng những chuẩn mực đạo đức trong xã hội</p> <p>Tuân thủ pháp luật của quốc gia và quốc tế; tuân thủ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và đạo đức trong kinh doanh; có hành vi và ứng xử chuyên nghiệp, độc lập, chủ động</p> <p>Có đạo đức nghề nghiệp; có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác trong công việc; sẵn sàng đương đầu với khó khăn và chấp nhận rủi ro, trung thực, khách</p>	<p>cao ở các công ty nước ngoài.</p> <p>CDR 11 - Có kỹ năng tổ chức ứng dụng các nguyên lý vào thực tiễn</p> <p>CDR 12 - Sử dụng tiếng Anh thông thạo trong giao tiếp và chuyên môn, đạt chuẩn B2.</p> <p><b>Kỹ năng nghề nghiệp</b></p> <p>CDR 13 - Có kỹ năng vận dụng kiến thức kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính vào tổ chức, vào các tình huống cụ thể</p> <p>CDR 14 - Vận dụng tốt các nguyên lý kế toán, kiểm toán để giải quyết tốt những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.</p> <p>CDR 15 - Có khả năng tự</p>		

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học Thương mại)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế	CTĐT hiện hành của đơn vị
	<p>quan; linh hoạt, tự tin, tự chủ, phân biện và sáng tạo.</p> <p>2.4. <i>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo kế toán trình độ Thạc sĩ định hướng ứng dụng đạt chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:</p> <p>Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn về kế toán, kiểm toán, phân tích; Đưa ra những kết luận và nhận định chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, phân tích; Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về kế toán, kiểm toán, phân tích.</p>	<p>cập nhật kiến thức mới, tự nghiên cứu để áp dụng hiệu quả những kiến thức chuyên môn vào thực tiễn.</p> <p>CDR 16 - Có khả năng hoạt động chuyên môn kế toán.</p> <p><b>Thái độ và hành vi</b></p> <p>CDR 17 - Chăm chỉ, nhiệt tình, cẩn thận, linh hoạt, sáng tạo, sẵn sàng đương đầu với khó khăn.</p> <p>CDR 18 - Có đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>CDR 19 - Có thái độ hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp.</p>		

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học Thương mại)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế	CTĐT hiện hành của đơn vị
2. Thời gian đào tạo	2 năm	2 năm		1,5 năm; 2 năm (VHVL)
3. Khối lượng tín chỉ toàn khoá	60 tín chỉ	61 tín chỉ		60 tín chỉ
4. Cấu trúc CTĐT			Khóa học được cấu trúc thành ba phần: Phần A. Chuẩn bị nâng cao, Phần B. Năm vững kiến thức và Phần C. Nghiên cứu ứng dụng.	
- Khối kiến thức chung	Triết học	Triết học		Triết học
			Phản A. Chuẩn bị nâng cao	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao Ngoại ngữ (nếu có)
- Khối kiến thức cơ sở ngành			Các đơn vị này sẽ trang bị cho bạn kiến thức và kỹ năng nền tảng kinh doanh,	

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học Thương mại)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế	CTĐT hiện hành của đơn vị
<p>- Các học phần bắt buộc</p>	<p>Phương pháp nghiên cứu khoa học            Kinh tế học tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính            Luật kinh tế nâng cao            Tổng luận kế toán</p>	<p>Lý thuyết kế toán            Kinh tế lượng            Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh</p>	<p>kiểm tra kế toán, luật, kinh tế và thống kê. Các đơn vị này cho phép bạn cùng cố kiến thức nền tảng cho các nghiên cứu kế toán chuyên nghiệp hơn nữa.            Phần B. Năm vững kiến thức            Các đơn vị này sẽ phát triển năng lực của bạn với tư cách là một chuyên gia kế toán quan trọng có thể áp dụng kiến thức chuyên môn của bạn để cung cấp các giải pháp dựa trên nguyên tắc cho môi trường kế toán chuyên nghiệp.            ACF5000; 6 CP; Business communication for accounting professionals</p>	<p>Lý thuyết kế toán            Kinh tế học cho nhà quản lý</p>

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học Thương mại)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế	CTĐT hiện hành của đơn vị
			ACF5950; 6 CP; Introduction to financial accounting ECX5953; 6 CP; Economics ETX5900; 6 CP; Business statistics	
- Các học phần tự chọn	<p>Tổng luận kiểm toán</p> <p>Tài chính công nâng cao</p> <p>Quản trị tài chính nâng cao</p> <p>Quản lý Nhà nước về kinh tế</p> <p>Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế</p> <p>Kinh tế doanh nghiệp</p>	<p>Tài chính công</p> <p>Quản trị chiến lược</p> <p>Quản trị tài chính</p>		<p>Tài chính cho nhà quản lý</p> <p>Hệ thống thông tin kế toán</p> <p>Quản trị doanh nghiệp</p> <p>Quản lý tài chính công</p> <p>Kế toán và định giá doanh nghiệp</p> <p>Pháp luật trong kinh doanh</p>
- <i>Khối kiến thức chuyên ngành</i>			Phản C. Nghiên cứu ứng dụng	
- Các học phần bắt buộc	<p>Kế toán tài chính nâng cao</p> <p>Kế toán quản trị nâng cao</p> <p>Kiểm toán báo cáo tài chính nâng</p>	<p>Kế toán quản trị</p> <p>Kế toán tài chính</p> <p>Kiểm toán</p>		<p>Kế toán tài chính 1</p> <p>Kế toán quản trị</p> <p>Kiểm toán</p>

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học Thương mại)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế	CTĐT hiện hành của đơn vị
	cao	Hệ thống thông tin kế toán	<p>Trọng tâm của những nghiên cứu này là công việc chuyên môn hoặc học thuật có thể đóng góp vào danh mục phát triển nghề nghiệp và cung cấp cho bạn các kỹ năng để thực hành hiệu quả với tư cách là một kế toán viên.</p> <p>ACF5100; 6 CP; Strategic management accounting ACF5904; 6 CP; Accounting information systems ACF5953; 6 CP; Financial accounting ACF5955; 6 CP; Management accounting ACF5956; 6 CP; Advanced financial accounting ACF5957; 6 CP; Auditing and assurance BFF5954; 6 CP; Business finance</p>	<p>Kiểm soát nội bộ Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế</p>

Tiêu chí	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học Thương mại)	CTĐT tham khảo trong nước (Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng)	CTĐT tham khảo quốc tế	CTĐT hiện hành của đơn vị
<p>- Các học phần tự chọn</p>	<p>Phân tích tài chính doanh nghiệp            Kế toán tái cấu trúc doanh nghiệp            Kế toán công            Kế toán điều tra            Quản trị rủi ro tài chính            Thị trường các công cụ phái sinh            Kiểm toán hoạt động            Kế toán môi trường            Kế toán trong các tổ chức tài chính - ngân hàng            Báo cáo tài chính hợp nhất            Kế toán định giá            Quản lý thuế</p>	<p>Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế            Kế toán khu vực công            Kế toán quản trị chiến lược            Kế toán tài chính nâng cao            Kiểm soát nội bộ</p>	<p>BTF5955; 6 CP; Business and company law            BTF5965; 6 CP; Taxation law</p>	<p>Phân tích báo cáo tài chính            Kế toán tài chính 2            Kế toán công            Quản lý dự án nâng cao            Quản trị thương hiệu            Đề án nghiên cứu</p>
<p>5. Luận văn tốt nghiệp</p>	<p>Báo cáo thực tế 3 Tín chỉ            Luận văn tốt nghiệp 15 Tín chỉ</p>	<p>Luận văn tốt nghiệp 15 Tín chỉ</p>		<p>Thực tập 9 Tín chỉ            Đề án tốt nghiệp 9 tín chỉ</p>



**Một số nhận xét:**

Kết quả cho thấy các chương trình của các Trường Đại học trong nước được so sánh cùng ngành có số tín chỉ cho nhóm kiến thức tương đương phù hợp với yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, số tín chỉ các học phần tự chọn của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ít hơn so với các trường khác. Số tín chỉ thực tập và đề án tốt nghiệp nhiều hơn. Các học phần bắt buộc nhiều hơn các trường khác. Điều này phụ thuộc vào cách tiếp cận khi xây dựng chương trình.

**10. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội./.

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20..

**KT HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Văn Bồng**

**P/TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

A large, stylized handwritten signature in black ink.

**Trương Thanh Hằng**

## **PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

### **I. Các văn bản pháp lý**

- Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của BGD&ĐT 2016;

- Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13;

- Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Căn cứ Quyết định 41/QĐ-ĐHCN ngày 06/01/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

- Căn cứ Quy định kèm theo Quyết định số 351/QĐ-ĐHCN ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

### **II. Khung chương trình các trường đại học khác:**

- Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng;

- Trường Đại học Thương mại

- Trường Đại học Monash - Australia